TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hoàng Nam**

2. Bà **Trần Thị Mộng Tưởng**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Bà **Thị Xà Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 268/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thoại M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh K.

Nay là: ấp H, xã H1, tỉnh A.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện G, tỉnh K.

Nay là: ấp M, xã H, tỉnh A.

(Chị M có đơn xin vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thoại M trình bày:***

Do mai mối chị và anh T tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K (nay là Ủy ban nhân dân xã H1, tỉnh A.). Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không trung thực, không lo làm ăn và không lo vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê An Th, sinh ngày 16/6/2022. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu An Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Thanh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thoại M, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị M: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh T: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị M được ly hôn với anh T; về con chung: có 01 con chung tên Lê An Th, sinh ngày 16/6/2022, hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu An Th, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy

phía anh T không có ý kiến gì về việc chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu An Th và từ khi chị M và anh T ly thân cho đến nay do chị M nuôi dưỡng cháu An Th nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung là Lê An Th, sinh ngày 16/6/2022 cho chị M nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị M không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Thoại M không yêu cầu Tòa án giải quyết, phía anh T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Thanh T có hộ khẩu thường trú ở ấp M, xã H, huyện G, tỉnh K (nay là ấp M, xã H, tỉnh A.). Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thoại M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M và anh T trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K (nay là Ủy ban nhân dân xã H1, tỉnh A.) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2022 ngày 24 tháng 01 năm 2022.

Theo chị M sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không trung thực, không lo làm ăn và không lo vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị ly hôn với anh Lê Thanh T.

Anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị M đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của chị M là đơn phương

nhưng anh T không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, anh T không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ anh T không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với chị M. Đồng thời, anh chị đã có thời gian ly thân khá lâu nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh T không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M xác định giữa chị và anh T có 01 con chung tên Lê An Th, sinh ngày 16/6/2022, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu An Th, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy phía anh T không có ý kiến gì về việc chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu An Th và từ khi chị M và anh T ly thân cho đến nay do chị M nuôi dưỡng cháu An Th. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Lê An Th, sinh ngày 16/6/2022 cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thoại M được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Lê An Th, sinh ngày 16/6/2022 cho chị M nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thoại M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013139 ngày 10/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh An Giang). Xem như chị M đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Thoại M, anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND H;
- UBND xã H1;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Ngọc Giàu